|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**TỈNH HÀ TĨNH**Số: /2022/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày* *tháng năm 2022* |

**Dự thảo**

**24.10.2022**

**NGHỊ QUYẾT**

**Một số chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp**

**tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo**

**HỘI ÐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ.......**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 về khuyến công; số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ; số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công; số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Xét Tờ trình số…./TTr-UBND ngày … tháng … năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết một số chính sách hỗ trợ phát triển CN-TTCN tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn áp dụng một mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất.

2. Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ sử dụng vốn ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ và phát huy hiệu quả, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện việc đầu tư và thanh toán, quyết toán vốn đã sử dụng theo quy định hiện hành.

 **Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Ngân sách nhà nước

a) Chính sách phát triển cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ: Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách hàng năm.

b) Chính sách khuyến công: Kinh phí thực hiện hàng năm được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp ngành Công Thương.

2. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Lập, phân bổ, chấp hành dự toán, công tác hạch toán, quyết toán kinh phí**

1. Chính sách phát triển cụm công nghiệp

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản quy định hiện hành.

2. Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, 16 Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Chính sách khuyến công

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, khoản b Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

**Chương II**

**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP**

**Điều 5. Đối tượng hỗ trợ**

1. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã được được giao làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo hình thức xã hội hóa (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng).

**Điều 6. Điều kiện hỗ trợ**

1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Cụm công ngiệp được thành lập, mở rộng theo quy định của pháp luật.

b) Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về chủ trương đầu tư; phê duyệt quy hoạch chi tiết; phê duyệt dự án, thiết kế - dự toán.

c) Các điều kiện khác theo Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng.

2. Đối với Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp

a) Cụm công nghiệp được thành lập, mở rộng theo quy định của pháp luật.

b) Đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư; phê duyệt quy hoạch chi tiết; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường.

d) Đã được cấp có thẩm quyền Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng (nếu có) hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận có tỷ lệ lấp đầy cụm nghiệp do doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng đạt từ 30% trở lên.

**Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí đầu tư hạ tầng giao thông, đường gom và hệ thống thu gom, thoát nước, cấp nước kết nối từ bên ngoài đến ranh giới cụm công nghiệp.

2. Cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, được bố trí ngân sách để hoàn thiện hạ tầng đồng bộ theo dự án được duyệt, trong đó ưu tiên đầu tư hoàn thành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Cụm công nghiệp do doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng làm chủ đầu tư, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo giai đoạn đã được phân kỳ đầu tư hoặc toàn bộ dự án, được hỗ trợ 0,5 tỷ đồng/ha, nhưng không quá 20 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

4. Cụm công nghiệp trên địa bàn được áp dụng tỷ lệ % đơn giá thuê đất mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ.

**Điều 8. Quy trình thực hiện**

1. Đối với khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7

a) Năm lập dự toán: Chủ đầu tư đề xuất danh mục hỗ trợ kèm khái toán, quy mô công trình, dự án gửi Sở Công Thương tổng hợp.

b) Năm thực hiện:

- Chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 02 bộ hồ sơ theo quy định về Sở Công Thương.

- Căn cứ vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách, Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, tổng hợp đề xuất gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính.

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương, Sở Tài chính chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan soát xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ đầu tư làm tờ trình đề nghị cấp phát kinh phí hỗ trợ (cung cấp các thông tin về số tài khoản, mã quan hệ ngân sách) gửi đến Sở Tài chính (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện). Sở Tài chính thực hiện cấp phát theo đúng chế độ quy định.

2. Đối với khoản 4 Điều 7: Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành bảng giá đất tại các cụm công nghiệp trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

**Điều 9. Hồ sơ**

1. Đối với khoản 1, khoản 2 Điều 7

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ ([mẫu](mau%20to%20trinh%20de%20nghi%20ho%20tro.docx)).

- Bản sao Nghị quyết chủ trương đầu tư; quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; quyết định phê duyệt thiết kế- dự toán; quyết định thành lập cụm công nghiệp.

2. Đối với khoản 3 Điều 7

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ ([mẫu](mau%20to%20trinh%20de%20nghi%20ho%20tro.docx)).

- Bản sao: quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cụm công nghiệp; quyết định phê duyệt dự án đầu tư; quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 của cấp có thẩm quyền; quyết định cho thuê đất; hợp đồng thuê đất.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (toàn bộ công trình hoặc giai đoạn) hoặc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng của cấp có thẩm quyền (nếu có) kèm báo cáo quyết toán công trình.

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận có tỷ lệ lấp đầy cụm nghiệp do doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng đạt từ 30% trở lên.

**Chương III**

**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ**

**Điều 10. Đối tượng hỗ trợ**

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 11. Điều kiện hỗ trợ**

1. Thực hiện theo Điều 5, Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28tháng 3năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

2. Dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

3. Dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

4. Đối với hỗ trợ chuyển giao công nghệ:

- Công nghệ chuyển giao phải thuộc Danh mục khuyến khích chuyển giao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

- Dự án phải có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ còn hiệu lực (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ).

5. Đối với hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: có hợp đồng đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước hoặc quốc tế về chuyên ngành quản lý, kỹ thuật theo từng cấp độ (công nhân kỹ thuật, trung cấp nghề, đại học và sau đại học) trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

**Điều 12. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Các nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ không thuộc khoản 2, khoản 3 Điều này thì áp dụng theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ gồm:

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/thương hiệu.

b) Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác. Mức hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

c) Chi khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong các lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo (bao gồm cả các sản phẩm cơ khí trọng điểm), công nghiệp công nghệ cao, mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/01 đợt.

d) Tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn về công nghiệp hỗ trợ, mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/01 cuộc.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của cơ sở tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại; mua bản quyền, sáng chế, phần mềm để sản xuất sản phẩm CNHT nằm trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển CNHT, tối đa 03 tỷ đồng/doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ 70% chi phí đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm CNHT, tối đa 6 triệu đồng/người/01 lần duy nhất, không quá 100 người/doanh nghiệp/năm.

**Điều 13. Quy trình thực hiện**

- Các đối tượng đề nghị hỗ trợ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 02 bộ hồ sơ theo quy định về Sở Công thương.

- Căn cứ vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách, Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cụ thể trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Sau khi có quyết định của UBND tỉnh, các đối tượng được hỗ trợ làm tờ trình đề nghị cấp phát kinh phí hỗ trợ (cung cấp các thông tin về số tài khoản, mã quan hệ ngân sách) gửi đến Sở Tài chính (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện). Sở Tài chính thực hiện cấp phát theo đúng chế độ quy định sau khi nhận được Tờ trình của đơn vị thụ hưởng và hồ sơ do Sở Công Thương cung cấp.

**Điều 14. Hồ sơ**

1. Đối với khoản 1 Điều 12:

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ.

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính

- Văn bản của cấp có thẩm quyền về nhãn hiệu sản phẩm; mã số mã vạch theo quy định.

b) Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ.

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính

- Lịch phát sóng hoặc số báo giấy, báo điện tử kèm theo.

c) Chi khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

- Kế hoạch khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi khảo sát.

d) Tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn về công nghiệp hỗ trợ

- Kế hoạch tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn về công nghiệp hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thuê chuyên gia, giảng viên, cáo cáo viên theo quy định;

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính chi phí thuê thuê hội trường, thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, nước uống, tài liệu.

2. Đối với khoản 2 Điều 12

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ (mẫu).

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới; catalogue, tài liệu liên quan thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới (nếu có); giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) và các hóa đơn, chứng từ có liên quan.

- Các văn bản thể hiện nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 11.

3. Đối với khoản 3 Điều 12

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ.

- Hồ sơ tài chính chứng minh (hợp đồng đào tạo nghề, thanh lý hợp đồng, hóa đơn).

- Bản sao quyết định công nhận hoàn thành khoá đào tạo kèm theo danh sách người lao động của cơ sở đã đào tạo.

- Các văn bản thể hiện nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 11.

**Chương IV**

**CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG**

**Điều 15. Đối tượng hỗ trợ**

Thực hiện theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

**Điều 16. Điều kiện hỗ trợ**

Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công.

**Điều 17. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Nội dung và mức chi chung cho hoạt động khuyến công địa phương được áp dụng theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài Chính.

2. Nội dung chi và mức chi cụ thể không thuộc khoản 3 Điều này thì áp dụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài Chính, chi tiết tại [*Phụ lục 1 đính kèm*](PL3%20ve%20noi%20dung%20v%C3%A0%20muc%20chi%20cu%20the%20cua%20hoat%20dong%20khuyen%20cong%20dia%20phuong.doc).

3. Mức chi cụ thể

a) Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn lập báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, nhưng không quá 50 triệu đồng/cụm công nghiệp;

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn: Hỗ trợ 30% chi phí xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình; hỗ trợ 30% chi phí triển khai áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở theo các giải pháp đã được xác định trong Báo cáo đánh giá nhanh sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình;

c) Hỗ trợ tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, khu vực, quốc gia:

Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, nhưng không quá 200 triệu đồng/lần;

Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh không quá 05 triệu đồng/sản phẩm;

Hỗ trợ 100% chi phí tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/lần;

Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế, in ấn tem nhãn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/lần.

d) Hỗ trợ 50% chi phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp.

e) Hỗ trợ 30% chi phí thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh nhưng tối đa 50 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp tỉnh.

**Điều 18. Quy trình, hồ sơ**

Chi tiết theo [*Phụ lục 2 đính kèm*](PL4%20Quy%20trinh%20va%20ho%20so%20n.doc)

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 19. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

**Điều 20. Quy định chuyển tiếp**

1. Các nội dung, đối tượng hỗ trợ tại Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang triển khai thì tiếp tục thực hiện như đã được phê duyệt.

2. Các nội dung, đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa được hưởng chính sách thì thực hiện việc hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.

**Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa ….., Kỳ họp thứ … thông qua ngày …. tháng … năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ….tháng …. năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;- Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;- Bộ Công Thương;- Kiểm toán nhà nước khu vực II;- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND-UBND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Trung tâm Công báo - Tin học;- Trang thông tin điện tử tỉnh;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** **Hoàng Trung Dũng** |